

MỘT SỐ DẤU HIỆU / MINH CHỨNG VỀ VIỆC ĐẠT ĐƯỢC CÁC CHỈ SỐ TRONG BỘ CHUẨN PHÁT TRIỂN TRẺ 5 TUỔI

Nội dung bộ chuẩn bao gồm: 4 lĩnh vực, 28 chuẩn, 120 chỉ số.
Chi tiết nội dung bộ chuẩn phát triển trẻ em năm tuổi

Lĩnh vực 1: SỰ PHÁT TRIỂN THỂ CHẤT

Chuẩn 1. Trẻ có thể kiểm soát và phối hợp vận động các nhóm cơ lớn

Chỉ số	Nội dung chỉ số	Dấu hiệu/ Minh chứng
1	Bật xa tối thiểu 50cm	- Bật nhảy bằng cả 2 chân. - Chạm đất nhẹ nhàng bằng hai đầu bàn chân và giữ được thăng bằng. - Nhảy qua tối thiểu 50 cm.
2	Nhảy xuống từ độ cao 40cm	- Lấy đà và bật nhảy xuống. - Chạm đất nhẹ nhàng bằng hai đầu bàn chân. - Giữ được thăng bằng khi chạm đất.
3	Ném và bắt bóng bằng hai tay từ khoảng cách xa tối thiểu 4m	- Di chuyển theo hướng bóng bay để bắt bóng. - Bắt được bóng bằng 2 tay, không ôm bóng vào ngực.
4	Trèo lên, xuống thang ở độ cao 1,5 m so với mặt đất	- Trèo lên, xuống liên tục phối hợp chân nọ tay kia (hai chân không bước vào một bậc thang). - Trèo xuống tự nhiên, không cúi đầu nhìn xuống chân khi bước xuống. - Trèo lên thang ít nhất được 1,5 mét.

Chuẩn 2. Trẻ có thể kiểm soát và phối hợp vận động các nhóm cơ nhỏ

5	Tự mặc, cởi được áo quần	- Mặc áo đúng cách, 2 tà không bị lệch nhau. - Cài và mở được hết các cúc áo. - Tự mặc và cởi được quần
6	Tô màu kín, không chòem ra ngoài đường viền các hình vẽ	- Cầm bút đúng: bằng ngón trỏ và ngón cái, đỡ bằng ngón giữa. - Tô màu đều, không chòem ra ngoài nét vẽ.
7	Cắt theo đường viền thẳng và cong của các hình đơn giản	- Cắt được hình, không bị rách. - Đường cắt lượn sát theo nét vẽ.
8	Dán các hình vào đúng vị trí cho trước, không bị nhăn	- Bôi hồ đều, - Các chi tiết không chồng lên nhau. - Dán hình vào bức tranh phẳng phiu.

Chuẩn 3. Trẻ có thể phối hợp các giác quan và giữ thăng bằng khi vận động

9	Nhảy lò cò ít nhất 5 bước liên tục, đổi chân theo yêu cầu	- Biết đổi chân mà không dừng lại. - Biết dừng lại theo hiệu lệnh. - Nhảy lò cò 5-7 bước liên tục về phía trước.
10	Đập và bắt được bóng bằng 2 tay	Đi và đập bắt bóng bằng hai tay
11	Đi thăng bằng được trên ghế thể dục (2m x 0,25m x 0,35m)	- Khi bước lên ghế không mất thăng bằng. - Khi đi mắt nhìn thẳng. - Giữ được thăng bằng hết chiều dài của ghế.

Chuẩn 4. Trẻ thể hiện sức mạnh, sự nhanh nhẹn và dẻo dai của cơ thể

12	Chạy 18m trong khoảng thời gian 5-7 giây	- Phối hợp chân tay nhịp nhàng. - Chạy được 18 mét liên tục trong vòng 5 giây - 7 giây.
13	Chạy liên tục 150 m không hạn chế thời gian	- Chạy với tốc độ chậm, đều. - Phối hợp tay chân nhịp nhàng. - Chạy được 150 mét liên tục. - Đến đích vẫn tiếp tục đi bộ được 2 - 3 phút. - Không có biểu hiện quá mệt mỏi: thở dồn, thở gấp, thở hỗn hển kéo dài.
14	Tham gia hoạt động học tập liên tục và không có biểu hiện mệt mỏi trong khoảng 30 phút	- Tham gia hoạt động tích cực - Không có biểu hiện mệt mỏi như ngáp, ngủ gật,...

Chuẩn 5. Trẻ có hiểu biết và thực hành vệ sinh cá nhân và dinh dưỡng

Chỉ số	Nội dung chỉ số	Dấu hiệu/ Minh chứng
15	Rửa tay bằng xà phòng trước khi ăn, sau khi đi vệ sinh và khi tay bẩn	Trước khi ăn, sau khi đi vệ sinh: - Tự rửa tay bằng xà phòng, - Rửa gọn: không vẩy nước ra ngoài, không ướt áo/quần. - Rửa sạch: tay sạch, không có mùi xà phòng.
16	Tự rửa mặt và chải răng hằng ngày	Sau khi ăn hoặc lúc ngủ dậy: - Tự chải răng, rửa mặt. - Gọn: không vẩy nước ra ngoài, không ướt áo/quần. - Sạch: không còn xà phòng,
17	Che miệng khi ho, hắt hơi, ngáp	Lấy tay che miệng khi ho, hắt hơi, ngáp.
18	Giữ đầu tóc, quần áo gọn gàng	- Chải tóc, vuốt tóc khi bù rối. - Xốc lại quần áo khi bị xô xệch.
19	Kể tên một số thức ăn cần có trong bữa ăn hằng ngày	Kể được tên một số thức ăn có trong bữa ăn hằng ngày.
20	Biết và không ăn, uống một số thứ có hại cho sức khỏe.	- Kể được các thức ăn, nước uống có hại: Có mùi hôi /chua/có màu lạ. Ví dụ các thức ăn ôi thiu, nước lã, rau quả khi chưa rửa sạch... - Không ăn, uống những thức ăn đó.

Chuẩn 6. Trẻ có hiểu biết và thực hành an toàn cá nhân

21	Nhận ra và không chơi một số đồ vật có thể gây nguy hiểm.	- Gọi tên một số đồ vật gây nguy hiểm. - Không sử dụng những đồ vật đó.
22	Biết và không làm một số việc có thể gây nguy hiểm	- Biết được tác hại của số việc nguy hiểm. - Biết cách tránh hoặc dùng đồ dùng khác để thay thế hoặc nhờ người lớn làm giúp
23	Không chơi ở những nơi mất vệ sinh, nguy hiểm	- Phân biệt được nơi bẩn và sạch. - Phân biệt được nơi nguy hiểm (gần hồ / ao / sông / suối/ vực/ ổ điện...) và không nguy hiểm. - Chơi ở nơi sạch và an toàn.
24	Không đi theo, không nhận quà của người lạ khi chưa được người thân cho phép;	- Người lạ cho quà thì phải hỏi người thân. - Người lạ rủ đi thì không theo.
25	Biết kêu cứu và chạy khỏi nơi nguy hiểm	Khi gặp nguy hiểm (bị đánh, bị ngã, bị thương, chảy máu, ...): - Kêu cứu - Gọi người lớn. - Nhờ bạn gọi người lớn - Hành động tự bảo vệ
26	Biết hút thuốc lá là có hại và không lại gần người đang hút thuốc	- Khi hỏi về tác hại của thuốc lá, trẻ trả lời: hút thuốc lá là độc/ hại. - Biết bày tỏ thái độ không đồng tình, ví dụ như: - Chú đừng hút thuốc vì có hại. - Chú đừng hút thuốc ở nơi đông người. - Chú ơi! hút thuốc sẽ bị ho/ ốm...đấy.... - Tránh chỗ có người hút thuốc.

Lĩnh vực 2 : SỰ PHÁT TRIỂN TÌNH CẢM VÀ QUAN HỆ XÃ HỘI

Chuẩn 7. Trẻ thể hiện sự nhận thức về bản thân

Chỉ số	Nội dung chỉ số	Dấu hiệu/ Minh chứng
27	Nói được một số thông tin quan trọng về bản thân và gia đình	Nói được những thông tin cơ bản cá nhân và gia đình như: - Họ và tên trẻ, tên các thành viên trong gia đình. - Địa chỉ nhà (số nhà, tên phố/ làng xóm). - Số điện thoại gia đình hoặc số điện thoại của bố mẹ (nếu có)...
28	Ứng xử phù hợp với giới tính của bản thân.	- Biết chọn và giải thích được lí do chọn trang phục phù hợp với thời tiết (nóng, lạnh, khi trời mưa). - Bạn gái ngồi khếp chân khi mặc váy. - Bạn trai sẵn sàng giúp đỡ bạn gái trong những việc nặng hơn khi được đề nghị.
29	Nói được khả năng và sở thích riêng của bản thân	Kể được những việc mà mình có thể làm được, không thể làm được và giải thích được lí do (ví dụ: Con có thể bê được cái ghế kia, nhưng con không thể bê được cái bàn này vì nó nặng lắm/ vì con còn bé quá... Hoặc con có thể giúp mẹ xếp quần áo hoặc trông em, hoặc vẽ đẹp hoặc hát hay,...)
30	Đề xuất trò chơi và hoạt động thể hiện sở thích của bản thân	Nêu hoặc chọn lựa được các trò chơi, hoạt động mà mình thích (ví dụ: nêu trò chơi hay hoạt động mà mình thích khi được hỏi, ...)

Chuẩn 8. Trẻ tin tưởng vào khả năng của mình

31	Cố gắng thực hiện công việc đến cùng	- Vui vẻ nhận công việc được giao mà không lưỡng lự hoặc tìm cách từ chối. - Nhanh chóng triển khai công việc. - Không tỏ ra chán nản, phân tán trong quá trình thực hiện hoặc bỏ dở công việc. - Hoàn thành công việc được giao.
32	Thể hiện sự vui thích khi hoàn thành công việc	Trẻ có biểu hiện một trong những dấu hiệu: - Khi làm xong một sản phẩm, trẻ tỏ ra phấn khởi, ngẩng ngửa, nâng niu, vuốt ve. - Khoe, kể về sản phẩm của mình với người khác. - Cất cẩn thận sản phẩm.
33	Chủ động làm một số công việc đơn giản hằng ngày	Tự thực hiện hoạt động mà không chờ sự nhắc nhở hay hỗ trợ của người lớn: - Tự cất dọn đồ chơi sau khi chơi. - Tự rửa tay trước khi ăn. - Tự chuẩn bị đồ dùng/ đồ chơi cần thiết cho hoạt động. - Tự xem bảng phân công trực nhật và thực hiện cùng các bạn.
34	Mạnh dạn nói ý kiến của bản thân	Phát biểu ý kiến hoặc trả lời các câu hỏi của người khác một cách tự tin, rõ ràng, tự nhiên, lưu loát, không sợ sệt, rụt rè, e ngại.

Chuẩn 9. Trẻ biết cảm nhận và thể hiện cảm xúc

35	Nhận biết các trạng thái cảm xúc vui, buồn, ngạc nhiên, sợ hãi, tức giận, xấu hổ của người khác	Trẻ nhận biết và nói được một số trạng thái cảm xúc của người khác : Vui, buồn, ngạc nhiên, sợ hãi, tức giận, xấu hổ qua nét mặt, cử chỉ, điệu bộ khi tiếp xúc trực tiếp, hoặc qua tranh, ảnh.
36	Bộc lộ cảm xúc của bản thân bằng lời nói, cử chỉ và nét mặt	Trẻ thể hiện những trạng thái cảm xúc của bản thân: Vui, buồn, ngạc nhiên, sợ hãi, tức giận, xấu hổ qua lời nói, nét mặt, cử chỉ, và điệu bộ
37	Thể hiện sự an ủi và chia vui với người thân và bạn bè	Trẻ có những biểu hiện: - An ủi người thân hay bạn bè khi họ ốm mệt hoặc buồn rầu bằng lời nói, hoặc cử chỉ. - Chúc mừng bạn, người thân nhân ngày sinh nhật. - Hoan hô, cổ vũ... khi bạn chiến thắng trong cuộc thi nào đó.
38	Thể hiện sự thích thú trước cái đẹp	Trẻ có những biểu hiện: - Thích thú, reo lên, xuýt xoa trước cảnh đẹp thiên nhiên, cảnh đẹp trong một bức tranh. - Lắng nghe một cách thích thú tiếng chim kêu. - Nâng niu một bông hoa, một cây non, vuốt ve một con vật non...

Chỉ số	Nội dung chỉ số	Dấu hiệu/ Minh chứng
39	Thích chăm sóc cây cối, con vật quen thuộc	- Thích chăm sóc cây cối, con vật thân thuộc. - Vui vẻ nhận công việc tưới cây, cho con vật thân thuộc ăn - Kêu lên khi thấy một cành cây non hoặc bông hoa bị gãy nát, con vật thân thuộc bị đau hay chết.
40	Thay đổi hành vi và thể hiện cảm xúc phù hợp với hoàn cảnh	- Biết nói khẽ, đi lại nhẹ nhàng khi người khác đang nghỉ hay bị ốm - Giữ thái độ chú ý trong giờ học. - Vui vẻ, hào hứng đối với các sự kiện tổ chức ở nhà và trường: sinh nhật, ngày hội... - Buồn khi phải chia tay với bạn bè, cô giáo khi ra trường.
41	Biết kiềm chế cảm xúc tiêu cực khi được an ủi, giải thích	- Biết trấn tĩnh lại và kiềm chế những hành vi tiêu cực khi có cảm xúc thái quá (như đánh bạn, cào cấu, cắn, gào khóc, quăng quật đồ chơi,...) với sự giúp đỡ của người lớn. - Biết sử dụng lời nói diễn tả cảm xúc tiêu cực (khó chịu, tức giận) của bản thân khi giao tiếp với bạn bè và người thân để giải quyết một số xung đột trong sinh hoạt hàng ngày.

Chuẩn 10. Trẻ có mối quan hệ tích cực với bạn bè và người lớn

42	Dễ hoà đồng với bạn bè trong nhóm chơi	Trẻ có những biểu hiện: - Nhanh chóng nhập cuộc vào hoạt động nhóm. - Được mọi người trong nhóm tiếp nhận. - Chơi trong nhóm bạn vui vẻ, thoải mái.
43	Chủ động giao tiếp với bạn và người lớn gần gũi	- Chủ động đến nói chuyện, - Sẵn lòng trả lời các câu hỏi trong giao tiếp với những người gần gũi.
44	Thích chia sẻ cảm xúc, kinh nghiệm, đồ dùng, đồ chơi với những người gần gũi	- Kể chuyện cho bạn về chuyện vui, buồn của mình. - Sẵn sàng trao đổi, hướng dẫn bạn trong hoạt động cùng nhóm - Vui vẻ chia sẻ đồ chơi với bạn
45	Sẵn sàng giúp đỡ khi người khác gặp khó khăn	- Chủ động giúp bạn khi nhìn thấy bạn cần sự giúp đỡ. - Giúp đỡ ngay khi bạn hoặc người lớn yêu cầu.
46	Có nhóm bạn chơi thường xuyên	Có ít nhất 2 bạn hay cùng chơi với nhau.
47	Biết chờ đến lượt khi tham gia vào các hoạt động	- Trong các trường hợp đông người, trẻ biết xếp hàng, vui vẻ (kiên nhẫn) chờ đến lượt. - Không chen ngang, không xô đẩy người khác. - Không tranh giành suất của bạn khác. - Không tranh nói trước khi trò chuyện trong nhóm.

Chuẩn 11. Trẻ thể hiện sự hợp tác với bạn bè và mọi người xung quanh

48	Lắng nghe ý kiến của người khác	Biết lắng nghe ý kiến của bạn.(Nhìn bạn khi giao tiếp, không cắt ngang lời khi bạn đang nói).
49	Trao đổi ý kiến của mình với các bạn	- Biết trình bày ý kiến của mình với các bạn. - Biết dùng lời để trao đổi hoặc biết nhờ đến sự giúp đỡ. - Biết thoả thuận dựa trên sự hiểu biết về quyền của mình và nhu cầu của bạn
50	Thể hiện sự thân thiện, đoàn kết với bạn bè	Khi xảy ra chuyện bất đồng ý kiến hoặc tranh giành nhau, trẻ: - Biết dùng nhiều cách để giải quyết mâu thuẫn (trước tiên là dùng lời, sau đó là nhờ sự can thiệp của người khác hoặc chấp nhận sự thỏa hiệp). - Không đánh bạn, không dành giật của bạn, không la hét hoặc nằm ăn vạ
51	Chấp nhận sự phân công của nhóm bạn và người lớn	- Tham gia vào việc tổ chức các sự kiện của nhóm. - Nhận và thực hiện vai của mình trong trò chơi cùng nhóm
52	Sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ đơn giản cùng người khác	- Chủ động bắt tay vào công việc cùng bạn. - Cùng với bạn thực hiện công việc nào đó với rất ít xung đột hoặc không có xung đột.

Chuẩn 12. Trẻ có các hành vi thích hợp trong ứng xử xã hội

Chỉ số	Nội dung chỉ số	Dấu hiệu/ Minh chứng
53	Nhận ra việc làm của mình có ảnh hưởng đến người khác	- Mô tả được ảnh hưởng hành động của mình đến tình cảm và hành động của người khác. - Giải thích được phản ứng của bản thân đối với cảm xúc hoặc hành vi của bạn khác (con cho bạn ấy con khủng long vì con thấy bạn ấy buồn). - Đoán được hành vi của mình hoặc của người khác sẽ gây ra phản ứng như thế nào.
54	Có thói quen chào hỏi, cảm ơn, xin lỗi và xưng hô lễ phép với người lớn;	Biết và thực hiện các quy tắc sau trong sinh hoạt hàng ngày : - Chào hỏi, xưng hô lễ phép với người lớn. - Biết cảm ơn khi được giúp đỡ hoặc cho quà. - Thể hiện sự ăn năn, áy náy, xấu hổ, lo lắng khi phạm lỗi (đứng im, đỏ mặt, méo chảy nước mắt, cúi đầu, sợ hãi, ôm lấy người mình trót phạm lỗi) và nói lời xin lỗi.
55	Đề nghị sự giúp đỡ của người khác khi cần thiết	- Tự đề nghị người lớn hoặc bạn giúp đỡ khi gặp khó khăn - Biết tìm sự hỗ trợ từ những người lớn trong cộng đồng (cô giáo, bác bảo vệ, bác hàng xóm, bác bán hàng...). - Thể hiện sự hiểu biết khi nào thì cần nhờ đến sự giúp đỡ của người lớn. - Hỏi người lớn trước khi vi phạm các quy định chung.
56	Nhận xét một số hành vi đúng hoặc sai của con người đối với môi trường	Mô tả được các hành vi đúng / sai trong ứng xử với môi trường xung quanh
57	Có hành vi bảo vệ môi trường trong sinh hoạt hàng ngày	Thể hiện các hành vi đúng đối với MTXQ trong sinh hoạt hàng ngày như: - Giữ gìn vệ sinh trong lớp, ngoài đường. - Tắt điện khi ra khỏi phòng. - Biết sử dụng tiết kiệm nước trong sinh hoạt hàng ngày ở nhà và ở trường.

Chuẩn 13. Trẻ thể hiện sự tôn trọng người khác

58	Nói được khả năng và sở thích của bạn bè và người thân	Nói đúng khả năng của một số người gần gũi (VD: bạn Thanh vẽ đẹp; bạn Nam chạy rất nhanh; chú Hùng rất khỏe; mẹ nấu ăn rất ngon).
59	Chấp nhận sự khác biệt giữa người khác với mình	- Gọi được tên và chấp nhận các sở thích giống và khác nhau giữa mình và các bạn khác (sở thích về món ăn, sở thích về các đồ chơi, trò chơi,...). - Không chê bai bạn về: sản phẩm hoạt động hoặc quần áo, đồ dùng của bạn,... - Nhận ra rằng mọi người có thể sử dụng các từ khác nhau để chỉ cùng một vật (ví dụ như từ Mẹ ở các địa phương hoặc nơi có các dân tộc khác nhau)
60	Quan tâm đến sự công bằng trong nhóm bạn	- Có ý kiến về sự không công bằng giữa các trẻ. - Nêu được cách tạo lại sự công bằng. - Có mong muốn lập lại sự công bằng.

Lĩnh vực 3: SỰ PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ VÀ GIAO TIẾP

Chuẩn 14. Trẻ nghe hiểu lời nói

Chỉ số	Nội dung chỉ số	Dấu hiệu/ Minh chứng
61	Nhận ra được sắc thái biểu cảm của lời nói khi vui, buồn, tức, giận, ngạc nhiên, sợ hãi.	- Nhận ra thái độ khác nhau (âu yếm, vui vẻ hoặc cáu giận) của người nói chuyện với mình qua ngữ điệu khác nhau của lời nói - Nhận ra đặc điểm tính cách của nhân vật qua sắc thái, ngữ điệu lời nói của các nhân vật trong các câu chuyện (ví dụ chuyện Bác gấu Đen và hai chú thỏ, Cây táo thần...) - Biết sử dụng giọng điệu của các nhân vật khác nhau khi kể lại chuyện hoặc kể lại một sự kiện. - Thể hiện được cảm xúc của bản thân qua ngữ điệu của lời nói
62	Nghe hiểu và thực hiện được các chỉ dẫn liên quan đến 2, 3 hành động;	- Trẻ hiểu được những lời nói và chỉ dẫn của giáo viên, hiểu được những câu phức và phản ứng lại bằng những hành động hoặc phản hồi tương ứng.. - Biểu hiện sự cố gắng quan sát, nghe và thực hiện các qui định chung trong chế độ sinh hoạt của lớp (giờ tay khi muốn nói, chờ đến lượt, trả lời câu hỏi, chăm chú lắng nghe...). - Khi đến lớp giáo viên yêu cầu trẻ thực hiện chỉ dẫn và trẻ thực hiện được (ví dụ cất balô lên giá, cởi giày và vào lớp chơi cùng các bạn khác).
63	Hiểu nghĩa một số từ khái quát chỉ sự vật, hiện tượng đơn giản, gần gũi;	- Kể được tên các loại vật nuôi trong gia đình, các loại rau, các loại quả khi có yêu cầu. - Nói được từ khái quát chỉ các vật (hoặc đồ vật) sau khi được xem tranh vật thật hoặc tranh các vật (hoặc đồ vật) cùng loại và nghe nói mẫu từ khái quát chỉ các vật (hoặc đồ vật) nào đó. Ví dụ: Đưa ra trước mặt trẻ các đồ vật sau (có thể dùng tranh): Cốc, ca, tách (li/ chén) và chỉ vào các đồ vật đó, nói: “Đây là cái cốc, ca, tách (li/ chén. Tất cả được gọi chung là đồ dùng để uống.”; Sau đó hỏi trẻ: - Con cá, con cua, con ốc được gọi chung là gì? - Quả cam, quả chuối, quả đu đủ được gọi chung là gì? - Con chó, con mèo, con gà được gọi chung là gì? - Cái bút, quyển sách, cái cặp được gọi chung là gì?.” - Giải nghĩa một số từ với sự giúp đỡ của người khác. (“Chó là một con vật có bốn chân)..
64	Nghe hiểu nội dung câu chuyện, thơ, đồng dao, ca dao dành cho lứa tuổi của trẻ.	- Trẻ kể lại được những truyện đồng thoại, ngụ ngôn (truyện cười) ngắn, đơn giản (ví dụ: Rau thìa là, Tại sao đuôi thỏ lại ngắn, Hai gấu con qua cầu, Chú dê đen...) - Trẻ nói được chủ đề và giá trị đạo đức của truyện.và tính cách nhân vật chính trong câu chuyện ngắn không quen thuộc sau khi được nghe kể chuyện. - Thể hiện sự hiểu biết về nội dung câu chuyện, thơ, đồng dao, ca dao... đã nghe biểu hiện qua khả năng phản ứng phù hợp với các câu hỏi của giáo viên và qua các hoạt động vẽ, đóng kịch, hát, vận động và kể lại chuyện theo đúng trình tự...

Chuẩn 15. Trẻ có thể sử dụng lời nói để giao tiếp

65	Nói rõ ràng	- Phát âm đúng và rõ ràng. - Diễn đạt ý tưởng ; Trả lời được theo ý của câu hỏi (ví dụ trả lời rõ ràng câu hỏi “Balô của của cháu ở đâu”). - Phát biểu một cách rõ ràng những trải nghiệm của riêng mình. - Nói với âm lượng vừa đủ, rõ ràng để người nghe có thể hiểu được.
66	Sử dụng các từ chỉ tên gọi, hành động, tính chất và từ biểu cảm trong sinh hoạt hàng ngày	- Sử dụng các từ loại: danh từ, động từ, tính từ, trạng từ,... thông dụng trong lời nói - Sử dụng một số từ khác (liên từ, từ cảm thán, từ láy...) vào câu nói phù hợp với ngữ cảnh.

Chỉ số	Nội dung chỉ số	Dấu hiệu/ Minh chứng
67	Sử dụng các loại câu khác nhau trong giao tiếp	- Sử dụng nhiều danh từ, tính từ hay liên từ...khác nhau, những từ thông dụng và các loại câu đơn và câu đơn mở rộng để diễn đạt ý. - Dùng các loại câu ghép, câu khẳng định, câu phủ định, câu mệnh lệnh (câu nếu... thì...; bởi vì...; tại vì...;) trong giao tiếp hàng ngày. - Đặt câu hỏi và trả lời câu hỏi (để làm gì? Tại sao? Vì sao?...) - Trả lời và đặt câu hỏi về nguyên nhân, mục đích, so sánh, phân loại...
68	Sử dụng lời nói để bày tỏ cảm xúc, nhu cầu, ý nghĩ và kinh nghiệm của bản thân;	- Trẻ có thể dùng nhiều phương tiện khác nhau như từ, các loại câu, hình ảnh, chữ viết, âm nhạc, vận động và hành động để bày tỏ cảm xúc, nhu cầu, ý nghĩ và kinh nghiệm của mình rõ ràng, mạch lạc để người khác hiểu được ý của bản thân.. - Có thể dùng ngôn ngữ để tự diễn đạt và cố gắng làm cho người khác hiểu được cảm xúc của bản thân. - Đưa ra được những gợi ý, tham gia thoả thuận, trao đổi, hợp tác, chỉ dẫn bạn bè và người khác. - Khi nói, trẻ biết sử dụng sự diễn đạt thích hợp (cười, cau mày...), những cử chỉ đơn giản (vỗ tay, gật đầu...) để diễn đạt ý tưởng, suy nghĩ của bản thân.
69	Sử dụng lời nói để trao đổi và chỉ dẫn bạn bè trong hoạt động	Hướng dẫn bạn bè trong trò chơi, trong hoạt động học.
70	Kể về một sự việc, hiện tượng nào đó để người khác hiểu được	- Nói đầy đủ tình tiết sự việc theo trình tự lôgic nhất định. - Miêu tả hay kể rõ ràng, mạch lạc về một sự việc, sự vật, con người mà trẻ biết hoặc nhìn thấy. - Kể một câu chuyện về sự việc đã xảy ra gần gũi xung quanh. - Miêu tả tranh vẽ và các sản phẩm tạo hình của bản thân.
71	Kể lại được nội dung chuyện đã nghe theo trình tự nhất định .	- Kể lại chuyện đã được nghe cho bố mẹ hoặc bạn và vào các trang của chuyện theo đúng trình tự. - Trẻ hiểu được các yếu tố của một câu chuyện như các nhân vật, thời gian, địa điểm, phân kết và nói lại được nội dung chính của câu chuyện sau khi được nghe kể hoặc đọc chuyện đó. - Thích thú sáng tạo chuyện theo tranh, đồ vật và kinh nghiệm của bản thân.
72	Biết cách khởi xướng cuộc trò chuyện	- Mạnh dạn, chủ động giao tiếp với mọi người xung quanh, - Sẵn sàng bắt đầu nói chuyện với người khác - Biết khởi xướng cuộc trò chuyện bằng các cách khác nhau (nói một câu hoặc hỏi câu hỏi). - Biết sử dụng ngôn ngữ nói để thiết lập quan hệ và hợp tác với bạn bè.

Chuẩn 16. Trẻ thực hiện một số quy tắc thông thường trong giao tiếp

73	Điều chỉnh giọng nói phù hợp với tình huống và nhu cầu giao tiếp;	- Trẻ biết điều chỉnh cường độ giọng nói: Nói đủ nghe, không nói quá to, không nói lí nhí. Nói nhỏ trong giờ ngủ ở lớp, nơi công cộng, khi người khác đang làm việc. Không nói to, vui đùa khi có người buồn, bị mệt - Trẻ nói với một giọng điệu và tốc độ thích hợp, giao tiếp và đàm thoại với người khác với giọng điệu hồn nhiên và cử chỉ thân thiện.
74	Chăm chú lắng nghe người khác và đáp lại bằng cử chỉ, nét mặt, ánh mắt phù hợp	- Chăm chú lắng nghe người khác nói, nhìn vào mắt người nói. - Trả lời câu hỏi, đáp lại bằng cử chỉ, điệu bộ, nét mặt. - Khi nghe kể chuyện, trẻ có thể lắng nghe người kể một cách chăm chú và yên lặng trong một khoảng thời gian. - Trẻ rất chú ý lắng nghe người nói và phản ứng lại bằng nụ cười, gật đầu như dấu hiệu của sự hiểu biết.
75	Không nói leo, không ngắt lời người khác khi trò chuyện	- Giơ tay khi muốn nói và chờ đến lượt. - Không nói leo, nói trống không, không ngắt lời người khác... - Trẻ thể hiện sự tôn trọng người nói bằng việc chỉ đặt các câu hỏi khi họ đã nói xong.
76	Hỏi lại hoặc có những biểu hiện qua cử chỉ, điệu bộ, nét mặt khi không hiểu người khác nói	- Dùng câu hỏi để hỏi lại (ví dụ ‘Chim gì là di sáo sậu, ‘i’ nghĩa là gì?) - Có những biểu hiện qua cử chỉ, điệu bộ, nét mặt để làm rõ một thông tin khi nghe mà không hiểu.

Chỉ số	Nội dung chỉ số	Dấu hiệu/ Minh chứng
77	Sử dụng một số từ chào hỏi và từ lễ phép phù hợp với tình huống	Sử dụng các câu xã giao đơn giản để giao tiếp với mọi người như “tạm biệt”, “Xin chào”....
78	Không nói tục, chửi bậy	

Chuẩn 17. Trẻ thể hiện hứng thú đối với việc đọc

79	Thích đọc những chữ đã biết trong môi trường xung quanh	- Thường xuyên chơi ở góc sách, tìm kiếm sách. - Hay hỏi về chữ viết (truyện viết về gì? Cái đó viết về gì? Chữ đó viết như thế nào? Ai viết?) - Thường xuyên bắt chước viết hoặc đề nghị người khác đọc cho nghe,.. - Hứng thú, nhiệt tình tham gia các hoạt động liên quan đến đọc viết của lớp. - Chú ý đến hành động viết của người lớn (hỏi khi thấy người lớn viết). - Quan tâm, hỏi về chữ viết trong sách, báo, hàng hoá, bảng biểu... và cố gắng tìm kiếm thông tin về nghĩa của chữ viết ở xung quanh. - Quan tâm đến việc viết, thích sao chép lại những câu và những từ vựng đơn giản; Trẻ thích sử dụng các dụng cụ viết, vẽ để viết vào giấy một cách thoải mái.
80	Thể hiện sự thích thú với sách	- Thường xuyên biểu hiện hành vi đọc, giả vờ đọc sách truyện, kể chuyện, ‘làm sách’,... - Hứng thú, nhiệt tình tham gia các hoạt động đọc, kể chuyện theo sách ở lớp (VD: Khi người lớn bắt đầu đọc sách, trẻ có thể tạm dừng việc khác và vui thích tham gia vào hoạt động đọc sách cùng người lớn). - Thể hiện sự thích thú với chữ cái, sách, đọc, kể chuyện. Trẻ mang sách, truyện đến và yêu cầu người khác đọc cho nghe, hỏi, trao đổi về chuyện được nghe đọc.
81	Có hành vi giữ gìn, bảo vệ sách	- Đề sách đúng nơi qui định. - Giữ gìn sách: không ném, vẽ bậy, xé, làm nhăn, nhàu, hỏng sách, ngò, dẫm,.. lên sách. - Có thái độ tốt đối với sách.(buồn, không đồng tình khi bạn làm hỏng sách; áy náy lo lắng khi nhìn thấy sách bị hỏng, rách,...)

Chuẩn 18. Trẻ thể hiện một số hành vi ban đầu của việc đọc

82	Biết ý nghĩa một số ký hiệu, biểu tượng trong cuộc sống	- Nhận biết được các ký hiệu về đồ dùng của trẻ như: khăn mặt, tủ đựng quần áo, - Biết được kí hiệu về thời tiết, - Biết và tạo được tên của trẻ, - Nhận biết được ý nghĩa của các ký hiệu quen thuộc trong cuộc sống (bảng hiệu giao thông, quảng cáo, chữ viết, cầm hút thuốc, cột xăng...). - Nhận biết được các nhãn hàng hóa. - Trẻ có khả năng liên tưởng sau khi xem truyện tranh hay các biểu tượng thông dụng và hiểu được nghĩa mà chúng truyền tải
83	Có một số hành vi như người đọc sách	- Trẻ chỉ và nói được tên các phần sau của sách khi được yêu cầu: - Trang bìa sách, các trang sách - Lời (chữ) trong sách, tranh minh họa - Tên sách - Tên tác giả. - Bắt đầu và kết thúc. - Cầm cuốn sách và giả vờ đọc cho bản thân hay cho người khác nghe. Cầm sách đúng chiều, giờ trang sách từ phải sang trái, từng trang một. - Nhặt sách dưới sàn và đặt lên giá đúng chiều

Chỉ số	Nội dung chỉ số	Dấu hiệu/ Minh chứng
84	“Đọc” theo truyện tranh đã biết	- Có hành vi tự kể chuyện theo sách truyện đã được nghe đọc - Trẻ đọc sách theo sáng kiến của mình và có được các ý tưởng từ truyện tranh hay các từ ngữ - Nói được nghĩa của một số từ quen thuộc - Cố gắng đoán nghĩa của từ và nội dung chuyện dựa vào tranh minh họa, chữ cái và kinh nghiệm của bản thân để trong các hoạt động đọc/ kể chuyện. - Khi nghe đọc truyện, trẻ có thể trả lời câu hỏi “Theo cháu, cái gì sẽ xảy ra tiếp theo?”
85	Biết kể chuyện theo tranh	- Nhìn vào tranh vẽ trong sách, trẻ có thể nói nội dung mà tranh minh họa (VD nhìn tranh vẽ chiếc xe đạp, trẻ nói “Cháu có một chiếc xe đạp, nhưng xe của cháu màu đỏ và to hơn”). - Nhìn vào tranh vẽ trong sách, trẻ nói “Quyển truyện này là chuyện về Nàng Bạch Tuyết và bảy chú lùn”. - Nói được thứ tự của sự việc từ chuyện tranh và sử dụng lời nói để diễn đạt nội dung câu chuyện

Chuẩn 19. Trẻ thể hiện một số hiểu biết ban đầu về việc viết

86	Biết chữ viết có thể đọc và thay cho lời nói	- Hiểu rằng có thể dùng tranh ảnh, chữ viết, số, ký hiệu...để thay thế cho lời nói. - Hiểu rằng chữ viết có một ý nghĩa nào đấy, con người sử dụng chữ viết với các mục đích khác nhau (VD khi mẹ nhận được thiệp chúc mừng năm mới, trẻ hỏi “Thiệp viết gì đấy”). - Hiểu rằng chữ viết thể hiện các từ, câu của lời nói, một từ nói ra có thể viết được bằng ký hiệu chữ viết. - Nhận biết được từ trong văn bản, các từ cách nhau một khoảng trống.
87	Biết dùng các ký hiệu hoặc hình vẽ để thể hiện cảm xúc, nhu cầu, ý nghĩ và kinh nghiệm của bản thân	- Trẻ có thể viết lại những trải nghiệm của mình qua những bức tranh hay biểu tượng đơn giản và sẵn sàng chia sẻ với người khác. - Giả vờ đọc và sử dụng ký hiệu chữ viết và các ký hiệu khác để biểu lộ ý muốn, suy nghĩ - Yêu cầu người lớn viết lời chuyện do trẻ tự nghĩ dưới tranh vẽ. - Thể hiện sự cố gắng tự mình viết ra, cố gắng tạo ra những biểu tượng, những hình mẫu ký tự có tính chất sáng tạo hay sao chép lại các ký hiệu, chữ, từ để biểu thị cảm xúc, suy nghĩ, ý muốn, kinh nghiệm của bản thân.
88	Bắt chước hành vi viết và sao chép từ, chữ cái	- Sao chép các từ theo trật tự cố định trong các hoạt động - Biết sử dụng các dụng cụ viết vẽ khác nhau để tạo ra các ký hiệu biểu đạt ý tưởng hay một thông tin nào đấy. Nói cho người khác biết ý nghĩa của các ký hiệu đó. - Bắt chước hành vi viết trong vui chơi và các hoạt động hàng ngày.
89	Biết “viết” tên của bản thân theo cách của mình	- Sao chép tên của bản thân theo trật tự cố định trong các hoạt động - Nhận ra tên của mình trên các bảng ký hiệu đồ dùng cá nhân và tranh vẽ - Sau khi vẽ tranh, viết tên của mình phía dưới
90	Biết “viết” chữ theo thứ tự từ trái qua phải, từ trên xuống dưới	- Chỉ được tiếng trong trang sách từ trái sang phải, từ trên xuống dưới. - Lấy một quyển sách và yêu cầu trẻ chỉ xem câu chuyện được bắt đầu từ đâu. Trẻ chỉ vào sách từ trên xuống dưới, từ trái qua phải và lật giờ các trang từ phải qua trái.
91	Nhận dạng được chữ cái trong bảng chữ cái tiếng Việt	- Nhận biết được các chữ cái tiếng Việt trong sinh hoạt và hoạt động hàng ngày. - Nhận được một số chữ cái trên các bảng hiệu cửa hàng - Biết rằng mỗi chữ cái có tên, hình dạng và cách phát âm riêng. - Nhận dạng các chữ cái và phát âm đúng các âm đó. - Phân biệt được sự khác nhau giữa chữ cái và chữ số.

Lĩnh vực 4: SỰ PHÁT TRIỂN NHẬN THỨC

Chuẩn 20. Trẻ thể hiện một số hiểu biết về môi trường tự nhiên

Chỉ số	Nội dung chỉ số	Dấu hiệu/ Minh chứng
92	Gọi tên nhóm cây cối, con vật theo đặc điểm chung	- Gọi tên các con vật/cây gần gũi xung quanh. Tìm được đặc điểm chung của 3 (hoặc 4) con vật/cây. - Đặt tên cho nhóm những con/cây này bằng từ khái quát thể hiện đặc điểm chung.
93	Nhận ra sự thay đổi trong quá trình phát triển của cây, con vật và một số hiện tượng tự nhiên	- Gọi tên từng giai đoạn phát triển của đối tượng (cây/con) thể hiện trên tranh ảnh. - Sắp xếp những tranh ảnh đó theo trình tự phát triển. - Nhận ra và sắp xếp theo trình tự của sự thay đổi của cây cối, con vật, hiện tượng tự nhiên (Ví dụ: búp, lá non, lá già, lá vàng....)
94	Nói được một số đặc điểm nổi bật của các mùa trong năm nơi trẻ sống;	- Gọi tên và nêu được đặc điểm đặc trưng của mùa đó. - Nêu được khác biệt cơ bản giữa hai mùa (hè với đông; mùa mưa với mùa khô).
95	Dự đoán một số hiện tượng tự nhiên đơn giản sắp xảy ra	- Nêu hiện tượng có thể xảy ra tiếp theo. - Giải thích dự đoán của mình.

Chuẩn 21. Trẻ thể hiện một số hiểu biết về môi trường xã hội

96	Phân loại được một số đồ dùng thông thường theo chất liệu và công dụng	- Trẻ nói được công dụng và chất liệu của các đồ dùng thông thường trong sinh hoạt hằng ngày - Trẻ nhận ra đặc điểm chung về công dụng/chất liệu của 3 (hoặc 4) đồ dùng. - Xếp những đồ dùng đó vào một nhóm và gọi tên nhóm theo công dụng hoặc chất liệu theo yêu cầu
97	Kể được một số địa điểm công cộng gần gũi nơi trẻ sống	Kể, hoặc trả lời được câu hỏi của người lớn về những điểm vui chơi công cộng/ trường học/nơi mua sắm/ khám bệnh ở nơi trẻ sống hoặc đã được đến.
98	Kể được một số nghề phổ biến nơi trẻ sống	Trẻ kể được tên một số nghề phổ biến ở nơi trẻ sống; Sản phẩm của nghề đó; Công cụ để làm nghề đó

Chuẩn 22. Trẻ thể hiện một số hiểu biết về âm nhạc và tạo hình

99	Nhận ra giai điệu (vui, êm dịu, buồn) của bài hát hoặc bản nhạc	Nghe bản nhạc/ bài hát vui hay buồn gần gũi và nhận ra được bản nhạc/ bài hát nào là vui hoặc buồn.
100	Hát đúng giai điệu bài hát trẻ em	
101	Thể hiện cảm xúc và vận động phù hợp với nhịp điệu của bài hát hoặc bản nhạc	Thể hiện nét mặt, vận động (vỗ tay, lắc lư...) phù hợp với nhịp, sắc thái của bài hát hoặc bản nhạc
102	Biết sử dụng các vật liệu khác nhau để làm một sản phẩm đơn giản;	Sử dụng nhiều loại vật liệu để làm ra 1 loại sản phẩm
103	Nói về ý tưởng thể hiện trong sản phẩm tạo hình của mình	- Đặt tên cho sản phẩm - Trả lời được câu hỏi con vẽ / nặn / xé dán cái gì? Tại sao con làm như thế?

Chuẩn 23. Trẻ có một số hiểu biết về số, số đếm và đo

104	Nhận biết con số phù hợp với số lượng trong phạm vi 10	- Đếm và nói đúng số lượng ít nhất đến 10 (hạt na, cái cúc, hạt nhựa...) - Đọc được các chữ số từ 1 đến 9 và chữ số 0. - Chọn thẻ chữ số tương ứng (hoặc viết) với số lượng đã đếm được
105	Tách 10 đối tượng thành 2 nhóm bằng ít nhất 2 cách và so sánh số lượng của các nhóm	- Tách 10 đồ vật (hạt na, cái cúc, hạt nhựa...) thành 2 nhóm ít nhất bằng 2 cách khác nhau (Ví dụ: nhóm có 3 và 7 hạt và nhóm có 5 và 5 hạt v.v...) - Nói được nhóm nào có nhiều hơn / ít hơn/ bằng nhau
106	Biết cách đo độ dài và nói kết quả đo	- Đặt thước đo liên tiếp. - Nói đúng kết quả đo (Ví dụ bằng, 5 bước chân, 4 cái thước)

Chuẩn 24. Trẻ nhận biết về một số hình hình học và định hướng trong không gian

Chỉ số	Nội dung chỉ số	Dấu hiệu/ Minh chứng
107	Chỉ khối cầu, khối vuông, khối chữ nhật và khối trụ theo yêu cầu	- Lấy được các khối cầu, khối vuông, khối chữ nhật, khối trụ có màu sắc / kích thước khác nhau khi nghe gọi tên. - Lấy hoặc chỉ được một số vật quen thuộc có dạng hình hình học theo yêu cầu (ví dụ: quả bóng có dạng hình cầu, cái tủ hình khối chữ nhật v.v..)
108	Xác định vị trí (trong, ngoài, trên, dưới, trước, sau, phải, trái) của một vật so với một vật khác	- Nói được vị trí của 1 vật so với 1 vật khác trong không gian (ví dụ: cái tủ ở bên phải cái bàn, cái ảnh ở bên trái cái bàn v.v..) - Nói được vị trí của các bạn so với nhau khi xếp hàng tập thể dục (ví dụ: Bạn Nam đứng ở bên trái bạn Lan và bên phải bạn Tuấn v.v..) - Đặt đồ vật vào chỗ theo yêu cầu (Ví dụ: Đặt búp bê lên trên giá đồ chơi, đặt quả bóng ở bên phải của búp bê...)

Chuẩn 25. Trẻ có một số biểu tượng ban đầu về thời gian

109	Gọi tên các ngày trong tuần theo thứ tự	- Nói được tên các ngày trong tuần theo thứ tự (ví dụ: thứ hai, thứ ba, v.v..) - Nói được trong tuần những ngày nào đi học, ngày nào nghỉ ở nhà.
110	Phân biệt hôm qua, hôm nay, ngày mai qua các sự kiện hàng ngày	- Nói được hôm nay là thứ mấy và hôm qua, ngày mai là thứ mấy. - Nói được hôm qua đã làm việc gì, hôm nay làm gì và cô dặn/ mẹ dặn ngày mai làm việc gì.
111	Nói ngày trên lịch và giờ chẵn trên đồng hồ	- Biết lịch dùng để làm gì và đồng hồ dùng để làm gì. - Nói được ngày trên lịch và giờ chẵn trên đồng hồ (ví dụ: bây giờ là 2 giờ/ 3 giờ v.v..)

Chuẩn 26. Trẻ tò mò và ham hiểu biết

112	Hay đặt câu hỏi	Trẻ có một trong những biểu hiện: - Hay phát biểu khi học. - Hay đặt câu hỏi để tìm hiểu hoặc làm rõ thông tin. - Tập trung chú ý trong khi học.
113	Thích khám phá các sự vật, hiện tượng xung quanh	Trẻ có một trong những biểu hiện: - Thích những cái mới (đồ chơi, đồ vật, trò chơi, hoạt động mới) - Hay hỏi về những thay đổi / mới xung quanh. - Hay đặt câu hỏi “Tại sao?” - Có thể có những hứng thú riêng (thích ô tô/ thích robot, thích búp bê...)

Chuẩn 27. Trẻ thể hiện khả năng suy luận

114	Giải thích được mối quan hệ nguyên nhân - kết quả đơn giản trong cuộc sống hằng ngày	- Nêu được nguyên nhân dẫn đến hiện tượng đó. - Giải thích bằng mẫu câu “Tại vì... nên...”
115	Loại một đối tượng không cùng nhóm với các đối tượng còn lại	- Nhận ra sự giống nhau của 2 hoặc một nhóm đối tượng - Nhận ra sự khác biệt của 1 đối tượng trong nhóm so với những cái khác. - Giải thích đúng khi loại bỏ đối tượng khác biệt đó.
116	Nhận ra quy tắc sắp xếp đơn giản và tiếp tục thực hiện theo quy tắc	- Nhận ra quy luật sắp xếp (hình ảnh, âm thanh, vận động...) - Tiếp tục đúng quy luật ít nhất được 2 lần lặp lại. - Nói tại sao lại sắp xếp như vậy.

Chuẩn 28. Trẻ thể hiện khả năng sáng tạo

117	Đặt tên mới cho đồ vật, câu chuyện, đặt lời mới cho bài hát	Trẻ có một trong số các biểu hiện sau: Dựa trên bài hát / câu truyện quen thuộc thay 1 từ hoặc 1 cụm từ (Ví dụ: Hát “Mẹ ơi mẹ con yêu mẹ lắm” thay cho “Bà ơi bà cháu yêu bà lắm”. Ví dụ: trên cơ sở nội dung truyện Dê đen, dê trắng trẻ “Mèo đen, mèo trắng”, thay hành động húc nhau bằng cào nhau...)
118	Thực hiện một số công việc theo cách riêng của mình	Trẻ có một trong số các biểu hiện sau: - Không bắt chước và có những khác biệt trong khi thực hiện nhiệm vụ - Làm ra sản phẩm tạo hình không giống các bạn khác - Thực hiện cùng nhiệm vụ như các bạn nhưng theo cách khác các bạn

Chỉ số	Nội dung chỉ số	Dấu hiệu/ Minh chứng
119	Thể hiện ý tưởng của bản thân thông qua các hoạt động khác nhau;	Trẻ có một trong số các biểu hiện sau: • Thường là người khởi xướng và đề nghị bạn tham gia vào trò chơi. • Xây dựng các “công trình” từ những khối xây dựng khác nhau. • Có những vận động minh họa / múa sáng tạo khác với hướng dẫn của cô....
120	Kể lại câu chuyện quen thuộc theo cách khác	Trẻ có một trong số các biểu hiện sau: • Tự đặt ra các câu thơ. • Tự đặt / bịa câu chuyện. • Đặt tên mới / mở đầu / tiếp tục / kết thúc câu chuyện theo cách khác.